TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **169**/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 26-12-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Bà Lê Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985; HKTT: Ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên hệ: Số 72/4, Khu phố 3, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Bến Tre. *(Xin vắng mặt)*

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp A2, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn U do quen biết, tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện Mỏ Cày (nay là M), tỉnh Bến Tre vào ngày 27/11/2007 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng bất đồng quan điểm,

thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, gia đình không còn vui vẻ hạnh phúc. Bà và ông U đã sống ly thân khoảng mười năm. Gia đình đã động viên, hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với ông U được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông U có hai con chung họ tên là Huỳnh Kim T2, sinh ngày 03/5/2002 và Huỳnh Văn Tiền T3, sinh ngày 01/12/2004. Hai con chung đã đủ tuổi thành niên nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn U vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà nên không có lời trình bày, cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Huỳnh Văn U có nơi cư trú tại ấp A2, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Ngọc H có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H. Ông Huỳnh Văn U đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông U.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận định: Bà H và ông U kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện Mỏ Cày (nay là M), tỉnh Bến Tre vào ngày 27/11/2007 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa bà H và ông U phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà H xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông U đã được Toà án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ

án, thông báo tham gia phiên hoà giải nhưng không đến hoà giải chứng tỏ ông U cũng không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Đồng thời, ông U cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến hay phản đối lời trình bày của bà H. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà H vẫn kiên quyết giữ nguyên quan điểm ly hôn. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của bà H và ông U đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông U.

[5] Xét về con chung: Bà H và ông U có hai con chung họ tên là Huỳnh Kim T2, sinh ngày 03/5/2002 và Huỳnh Văn Tiền T3, sinh ngày 01/12/2004. Hai con chung đã đủ tuổi thành niên, bà H và ông U không yêu cầu Toà án giải quyết nên không giải quyết.

[6] Xét về tài sản chung: Bà H xác định không có tài sản chung, ông U không đưa ra yêu cầu chia tài sản nên không giải quyết.

[7] Xét về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung, ông U không đưa ra yêu cầu nên không giải quyết.

[8] Xét về án phí: Bà H có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H, cụ thể:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H được ly hôn với ông Huỳnh Văn U.

Về con chung: Bà H và ông U có hai con chung họ tên là Huỳnh Kim T2, sinh ngày 03/5/2002 và Huỳnh Văn Tiền T3, sinh ngày 01/12/2004. Hai con chung đã đủ tuổi thành niên, bà H và ông U không yêu cầu Toà án giải quyết nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có tài sản chung, ông U không đưa ra yêu cầu chia tài sản nên không giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung, ông U không đưa ra yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà H có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002070 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân